

Số: 48 /2018/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án
phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm
nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018 - 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1215/TTr-SNN ngày 17 tháng 05 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2018 và bãi bỏ Quyết định số 1934/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2014 về việc ban hành Quy định hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các đối tượng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Lg*

- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Ủy ban Dân tộc;
- TT.TU.TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, KTN;
- Lưu: VT.VP UBND tỉnh.

U.Khởi

30^

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

QUY ĐỊNH

**Về mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất,
đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo
bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020**
(Ban hành kèm Quyết định số: 18 /2018/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nội dung và mức chi hỗ trợ các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (Hộ mới thoát nghèo được quy định theo Điều 2 Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo), ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo, tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, người nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo được tham gia dự án;

b) Nhóm hộ, cộng đồng dân cư theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2017/TT-BTC);

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện và phương thức hỗ trợ

1. Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 15/2017/TT-BTC.

2. Phương thức đầu tư hỗ trợ

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thông qua các dự án do cộng đồng đề xuất hoặc do Ủy ban nhân dân xã (chủ đầu tư) lập theo quy định trình cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Hàng năm, căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, chủ đầu tư tiến hành rà soát các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo quy định để lập dự án trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) thẩm định và quyết định phê duyệt dự án với các nội dung: Tên dự án, mô hình (nếu có), thời gian triển khai tối đa không quá 03 năm, địa bàn thực hiện, số hộ tham gia (cụ thể số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ không nghèo), các hoạt động của dự án, dự toán kinh phí thực hiện dự án, nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia mô hình), dự kiến hiệu quả của dự án và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị liên quan;

c) Việc hỗ trợ đối tượng (hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo) được thực hiện thông qua dự án, trường hợp hộ đã được hỗ trợ nhưng chưa thoát nghèo hoặc thoát cận nghèo (địa phương qua rà soát không còn đối tượng hỗ trợ theo quy định) thì Ủy ban nhân dân xã vẫn được xem xét đề bình xét thông qua cộng đồng, nếu được chọn thì tiếp tục hỗ trợ tham gia dự án tiếp theo nhưng không quá 03 lần/hộ;

d) Đối với những hộ mới thoát nghèo đã từng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, theo kết quả điều tra, rà soát hàng năm theo quy định, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và thời gian kể từ khi ra khỏi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo tối đa là 3 năm thì được hỗ trợ duy nhất 01 lần/hộ/dự án;

đ) Lồng ghép nguồn vay của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng chính sách, huy động đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; các nguồn tài chính hợp pháp khác;

e) Ngoài các phương thức hỗ trợ cụ thể nêu trên, các nội dung hỗ trợ khác thực hiện theo các quy định hiện hành. Trường hợp hàng năm, do bố trí nguồn vốn ngân sách có hạn thì tùy theo tình hình thực tế địa phương rà soát các đối tượng hỗ trợ, xem xét quy mô, số dự án đầu tư cho phù hợp với vốn bố trí.

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 3. Nội dung, mức chi lập và quản lý dự án

1. Mức chi lập và quản lý dự án: Mức chi không quá 5% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án (ngân sách cấp huyện đối ứng để thực hiện dự án).

2. Chi lập và quản lý dự án: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 15/2017/TT-BTC.

Điều 4. Chi tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người lao động tham gia dự án

1. Mức chi cho các hoạt động: Áp dụng theo định mức khuyến nông hiện hành trên địa bàn tỉnh không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án (ngân sách cấp tỉnh hàng năm bố trí đối ứng để thực hiện dự án).

2. Nội dung chi gồm: Thuê hội trường, nước uống, tài liệu, tiền ăn, thù lao báo cáo viên, mua vật tư phục vụ các lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ và các nội dung chi khác thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BTC.

Điều 5. Nội dung và mức chi hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Nội dung hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

a) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp: Theo quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC;

b) Dự án hỗ trợ ngành nghề và dịch vụ gồm: Hỗ trợ nhà xưởng, mua máy móc, thiết bị, công cụ; nguyên liệu và vật tư phục vụ phát triển các ngành nghề nông thôn và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất và thu nhập ổn định;

c) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nhu cầu hỗ trợ của từng đối tượng tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, chủ đầu tư lập dự án tùy theo điều kiện cụ thể cho phù hợp đối với từng đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, có thể theo từng lĩnh vực hoặc kết hợp các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phát triển ngành nghề, dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh;

d) Đối với các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo chưa nêu cụ thể trong Quy định này thì áp dụng theo các quy định hiện hành.

2. Mức hỗ trợ dự án phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

a) Định mức phân bổ vốn thực hiện dự án theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020;

b) Mức hỗ trợ dự án (mô hình) liên xã do cấp huyện chủ đầu tư thì ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 400 triệu đồng/dự án; đối với dự án (mô hình) cấp xã làm chủ đầu tư thì ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/dự án;

c) Đối với dự án, mô hình vượt quá định mức hỗ trợ nêu trên thì tùy theo từng trường hợp cụ thể do UBND tỉnh xem xét, quyết định cho phù hợp thực tế và các quy định hiện hành.

Điều 6. Mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Mức hỗ trợ các đối tượng tham gia thực hiện dự án thuộc Chương trình 135

a) Hộ nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/hộ; hộ nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 13.000.000 đồng/hộ;

b) Hộ cận nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 13.000.000 đồng/hộ; hộ cận nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 11.000.000 đồng/hộ;

c) Hộ mới thoát nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 11.000.000 đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 9.000.000 đồng/hộ.

2. Mức hỗ trợ các đối tượng tham gia thực hiện dự án các xã ngoài Chương trình 135

a) Hộ nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 14.000.000 đồng/hộ; hộ nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 12.000.000 đồng/hộ;

b) Hộ cận nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 12.000.000 đồng/hộ; hộ cận nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/hộ;

c) Hộ mới thoát nghèo: Là người lao động dân tộc thiểu số, mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/hộ; hộ mới thoát nghèo khác mức hỗ trợ tối đa 8.000.000 đồng/hộ.

Điều 7. Xây dựng kế hoạch và thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện theo quy định Điều 4 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 (sau đây viết tắt là Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT).

2. Xây dựng và thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT (*Phụ lục I, II đính kèm*).

Điều 8. Xây dựng và thực hiện dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo

1. Xác định dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT.

2. Xây dựng và thực hiện dự án mô hình giảm nghèo thực hiện theo quy định tại Khoản 1 và Điểm b Khoản 2; Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT.

Điều 9. Lập, phân bổ dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo

Theo quy định tại Điều 3, Điều 12 và Điều 14 Thông tư số 15/2017/TT-BTC và các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Luật Kế toán và các văn bản hướng dẫn.

Điều 10. Nguồn vốn thực hiện

1. Ngân sách trung ương: Bổ sung hàng năm có mục tiêu cho địa phương để triển khai các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững theo quy định.

2. Ngân sách địa phương hàng năm bố trí vốn đối ứng theo tỷ lệ: Tối thiểu bằng 15% trên tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, trong đó: Ngân sách cấp tỉnh tối thiểu là 10% và 5% ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vay của các tổ chức tín dụng, ngân hàng chính sách, huy động đóng góp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước; các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cho ý kiến góp ý các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn (nếu có) về sự phù hợp với các quy định hiện hành trước khi chủ đầu tư phê duyệt dự án;

b) Tổng hợp kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn tỉnh gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh bố trí vốn cho các địa phương triển khai thực hiện dự án;

c) Phối hợp các sở ngành liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của tỉnh;

d) Báo cáo định kỳ (06 tháng, 01 năm) kết quả thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (**Phụ lục IV**) gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp chung Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Hàng năm, tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn và triển khai thực hiện các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn tỉnh bảo đảm có hiệu quả; đồng thời chủ trì, phối hợp các sở ngành thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh theo quy định;

d) Hàng năm, tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và báo cáo tình hình biến động số lượng các đối tượng để làm cơ sở đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế theo quy định;

d) Tổng hợp và báo cáo định kỳ (06 tháng, 01 năm) kết quả triển khai thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trình UBND tỉnh.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt;

b) Thẩm định nguồn vốn đầu tư thuộc Chương trình và kế hoạch hàng năm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

c) Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì thẩm định, bố trí vốn sự nghiệp của Chương trình;

b) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối, bố trí vốn cho Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

c) Hướng dẫn việc lập, phân bổ, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo quy định hiện hành.

5. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội

Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức vận động nhân dân, hội viên, đoàn viên tích cực tham gia thực hiện chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững; phát động các phong trào để giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ phát triển sản xuất và đẩy mạnh cuộc vận động “ngày vì người nghèo” kêu gọi các tổ chức cá nhân ủng hộ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo.

Điều 12. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về toàn bộ hoạt động của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

2. Tăng cường hỗ trợ UBND cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ của chủ đầu tư.

3. Thông báo dự kiến vốn phân bổ đối với từng dự án của từng xã, để triển khai thực hiện dự án.

4. Tổ chức thẩm định và phê duyệt các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế quy mô cấp xã do UBND cấp xã làm chủ đầu tư theo quy định. Đối với các dự án quy mô liên xã, UBND cấp huyện giao cho phòng, ban chức năng chủ trì xây dựng, thực hiện dự án; cơ quan được giao chủ trì thực hiện dự án có trách nhiệm trình UBND cấp huyện phê duyệt dự án (*trước khi thẩm định UBND cấp huyện tổ chức lấy ý kiến các sở ngành liên quan cho ý kiến góp ý dự án*).

5. Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước cấp huyện hướng dẫn UBND cấp xã và cơ quan chuyên môn của cấp huyện được giao chủ đầu tư lập hồ sơ thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

6. Chỉ đạo phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phòng Kinh tế thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch hàng năm và cả giai đoạn 2018-2020 hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp theo quy định.

7. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn bảo đảm đúng đối tượng và có hiệu quả.

8. Tổng hợp và báo cáo định kỳ (06 tháng, 01 năm) kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn (**Phụ lục III, IV**) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã (chủ đầu tư)

1. Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện về toàn bộ kết quả hoạt động và hiệu quả sử dụng vốn của các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn.

2. UBND xã (chủ đầu tư) xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định và phê duyệt theo quy định. Trên cơ sở dự án được phê duyệt có kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện dự án và cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên kiểm tra định kỳ phát hiện những lệch lạc chấn chỉnh kịp thời.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các tổ chức, cá nhân liên quan về các chủ trương, chính sách hỗ trợ các đối tượng quy định tham gia dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động góp phần giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

4. Xây dựng kế hoạch hàng năm, và cả giai đoạn 2018-2020, cụ thể: Tên dự án, mô hình (nếu có), thời gian, địa bàn thực hiện, số hộ tham gia (cụ thể số lượng biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ không nghèo), các hoạt động của dự án, dự toán kinh phí thực hiện dự án, nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn vay tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia mô hình), dự kiến hiệu quả của dự án và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị liên quan gửi phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện hoặc phòng Kinh tế thành phố tổng hợp tham mưu trình UBND cấp huyện.

5. Phân công cán bộ kỹ thuật xã kết hợp phòng chuyên môn huyện, thành phố hướng dẫn kỹ thuật trong suốt quá trình thực hiện dự án.

6. Kiểm tra, đôn đốc các đối tượng tham gia dự án đảm bảo thực hiện đúng cam kết theo quy định.

7. Tổng hợp, báo cáo định kỳ (6 tháng, 01 năm) kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo **(Phụ lục III)** gửi về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tổng hợp tham mưu trình UBND cấp huyện.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo nếu có vướng mắc, phát sinh đề nghị các sở ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh./. *lg*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. **CHỦ TỊCH**

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

PHỤ LỤC I
MẪU BIÊN BẢN HỌP ÁP
(Kèm theo Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND XÃ
Áp.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên áp....), ngày tháng năm.....

BIÊN BẢN HỌP ÁP

Hôm nay, ngày tháng năm 20..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) áp..... đã tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

1. Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); **Thư ký cuộc họp:** (ghi rõ họ, tên, chức danh); **Thành phần tham gia** (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, số lượng đối tượng tham gia:).

2. Nội dung cuộc họp

- Phổ biến dự án: Tên dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình giảm nghèo; định mức kinh tế kỹ thuật, mức chi hỗ trợ dự án

- Thông báo phương án thực hiện dự án, hỗ trợ của nhà nước, thống nhất về đóng góp của người dân, cơ chế thu hồi, luân chuyển kinh phí hỗ trợ của nhà nước (nếu có);

- Bình xét hộ đủ điều kiện tham gia dự án.....

3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án như sau:

TT	Tên đối tượng tham gia dự án	Địa chỉ	Lao động trong độ tuổi (Người)	Đăng ký hỗ trợ (Theo Khoản 1 Điều 10 Thông tư 15/2017/TT-BTC)	Đối ứng của hộ (Ghi rõ đối ứng bằng tiền hiện vật)	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (Triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc dấu tay - điểm chỉ

Cuộc họp đã kết thúc vào ... giờ ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký cuộc họp
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì (Trưởng áp)
(ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II
MẪU ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG DỰ ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HÓA
SINH KẾ VÀ DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO
(Kèm theo Quyết định số 18 /2018/QĐ-UBND
ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

UBND Huyện
 UBND xã.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên xã), ngày tháng năm

DỰ ÁN
Phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng
mô hình giảm nghèo tại.....

1. Mục tiêu dự án:

- Tạo việc làm, tăng thu nhập; dự kiến số hộ thoát nghèo sau khi tham gia dự án;
- Các mục tiêu cụ thể theo từng dự án.....

2. Địa điểm, thời gian triển khai: (xã, ấp); Thời gian bắt đầu....., thời gian kết thúc....;

3. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án:

- Đơn vị quản lý:.....
- Đơn vị thực hiện:.....

4. Nội dung dự án:

a) Kỹ thuật thực hiện dự án, quy trình sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nêu rõ các yêu cầu chi tiết về mặt kỹ thuật liên quan đến các hoạt động dự án. Ví dụ: Tên giống, chủng loại, yêu cầu chất lượng, số lượng hỗ trợ, các loại vật tư, thiết bị cần thiết, quy trình kỹ thuật áp dụng....)

b) Các hoạt động của dự án:

- Công tác chuẩn bị: Đất đai, lao động, các đối tượng tham gia dự án
- Lập danh sách đối tượng tham gia dự án theo mẫu sau:

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Hỗ trợ của Nhà nước (triệu đồng)	Trong đó:		Đối ứng (quy theo giá trị) Triệu đồng	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)
				Giống	Vật tư, máy móc		

- Cung ứng giống vật tư:.....;
- Tổ chức thực hiện sản xuất;
- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm (liên kết tiêu với doanh nghiệp, hợp tác xã);
- Thu hồi, luân chuyển kinh phí hỗ trợ (nếu có);
- Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án.

5. Kinh phí thực hiện dự án (Triệu đồng)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn				
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương	Đối ứng của người dân	Vay từ Ngân hàng	Nguồn khác
I	Chi phí xây dựng dự án									
II	Tập huấn thuật....									
III	Hỗ trợ giống, vật tư máy móc									
IV	Chi phí cán bộ kỹ thuật,									
V	Tuyên truyền...									
VI	Quản lý dự án									

6. Tổ chức thực hiện dự án:

- Nêu rõ phương thức tổ chức thực hiện;
- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án;
- Trách nhiệm của UBND cấp xã, Trưởng ấp và cán bộ tham gia thực hiện dự án.

Ngày tháng năm 20...
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III
MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN (6 THÁNG, NĂM...)
DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐA DẠNG SINH KẾ
VÀ DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

(Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện dự án)

(Kèm theo Quyết định số 18 /2018/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Tình hình chung:

2. Kết quả thực hiện:

TT	Nội dung	Kinh phí được phê duyet (triệu đồng)	Kết quả thực hiện (6 tháng, một năm)						
			Đơn vị tính	Khối lượng đã thực hiện	Tổng phí đã thực hiện (triệu đồng)	Trong đó			Đánh giá (% thực hiện/Kế hoạch được phê duyệt)
						Kinh phí hỗ trợ	Người dân đóng góp	Vay vốn ngân hàng	
I	Dự án 1....								
1	Chi phí Xây dựng dự án								
2	Tập huấn kỹ thuật....								
3	Hỗ trợ cho hộ: Chi tiết theo nội dung hỗ trợ của từng dự án								
	-								
4	Chi phí cán bộ kỹ thuật,								
5	Tuyên truyền...								
6	Quản lý dự án ...								
II	Dự án 2:.....								
									
III	Dự án 3:.....								
									
...	Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác ...								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IV
MẪU KẾT QUẢ THỰC HIỆN (6 THÁNG, NĂM...)
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT ĐA DẠNG SINH KẾ VÀ
DỰ ÁN NHÂN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHÈO

(Áp dụng cấp huyện, cấp tỉnh)

(Kèm theo Quyết định số 18 /2018/QĐ-UBND
 ngày 20 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Tình hình chung:.....

2. Kết quả thực hiện:

TT	Nội dung	Tổng số	Số hộ tham gia	Tổng kinh phí cho các dự án (triệu đồng)	Tổng kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Trong đó			Tổng giá trị vật tư đã thực hiện hỗ trợ (triệu đồng)	Đánh giá (% thực hiện/ Kế hoạch phê duyệt)
						Ngân sách hỗ trợ	Dân đóng góp	Vay vốn ngân hàng		
	Huyện, xã									
I	Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế									
1	Dự án Trồng trọt Giống cây trồng: Hạt giống (tấn); Cây giống (cây)....; Vật tư (tấn)									
2	Dự án chăn nuôi: Giống vật nuôi (con)....; Thức ăn (tấn)....									
3	Dự án nuôi trồng thủy sản: Con giống (con) ...; vật tư (tấn)									
4	Dự án khai thác thủy sản (Ngư cụ (bộ)...., vật tư (tấn) ...;									
5	Dự án ngành nghề dịch vụ (Máy móc, thiết bị (cái); Vật tư (tấn)									
6	Dự án và hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khác ...									
7	Hỗ trợ PTSX khác...									
II	Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo									
										

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)